



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 7)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 7)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng đo lường Nhiệt
Laboratory:	Temperature Measurement Laboratory
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng 3
Organization:	Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)
Số hiệu/ Code:	VILAS 036
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Đo lường – Hiệu chuẩn
Field:	Measurement – Calibration
Người quản lý/ Laboratory manager:	Nguyễn Anh Triết
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	từ ngày / 01 /2026 đến ngày 14/08/2030
Địa chỉ:	49 Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Address:	49 Pasteur Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City
Địa điểm:	Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh
Location:	Lot C5, Road D1, Cat Lai Industrial Zone, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/ Tel:	028 3829 3012
Email:	rq.tn@quatest3.com.vn dh.q2@quatest3.com.vn
Website:	www.quatest3.com.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 7)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 7)

VILAS 036

Phòng đo lường Nhiệt/ *Temperature Measurement Laboratory*

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt

Field of calibration: Temperature

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)^{1/}</i>
1	Nhiệt kế điện trở Platin <i>Standard Platinum Resistance Thermometer SPRT</i>	-196 °C	QUATEST3 2082:2025	0,1 °C
		-80 °C đến/ to 0 °C		0,01 °C
		0 °C đến/ to 300 °C		0,01 °C
		300 °C đến/ to 500 °C		0,02 °C
		500 °C đến/ to 660 °C		0,05 °C
2	Cặp nhiệt điện <i>Thermocouple</i>	-80 °C đến/ to 500 °C	QUATEST3 2083:2025	0,2 °C
		500 °C đến/ to 1 000 °C		0,6 °C
3	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt (x) <i>Temperature Block Calibrator</i>	-100 °C đến/ to -50 °C	QUATEST3 2086:2025	0,016 °C
		-50 °C đến/ to 50 °C		0,013 °C
		50 °C đến/ to 150 °C		0,018 °C
		150 °C đến/ to 700 °C		0,046 °C
		700 °C đến/ to 1 000 °C		0,7 °C
4	Nhiệt kế thủy tinh (x) <i>Glass Thermometer</i>	-80 °C đến/ to -55 °C	QUATEST3 2085:2025	0,1 °C
		-55 °C đến/ to 151 °C		0,02 °C
		151 °C đến/ to 200 °C		0,05 °C
		200 °C đến/ to 550 °C		0,25 °C
5	Nhiệt kế hiện số & tương tự (x) <i>A/D Thermometer</i>	-196 °C	QUATEST3 2084:2025	0,2 °C
		-100 °C đến/ to -80 °C		0,016 °C
		-80 °C đến/ to 250 °C		0,009 °C
		250 °C đến/ to 550 °C		0,015 °C
		550 °C đến/ to 700 °C		0,13 °C
		700 °C đến/ to 1 000 °C		0,5 °C
6	Nhiệt kế bức xạ công nghiệp <i>Industrial Radiation Thermometer</i>	-40 °C đến/ to 100 °C	ĐLVN 124:2003	0,8 °C
		100 °C đến/ to 300 °C		1,8 °C
		300 °C đến/ to 500 °C		2,9 °C
		500 °C đến/ to 700 °C		4,1 °C
		700 °C đến/ to 1 000 °C		6,6 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 7)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 7)

VILAS 036

Phòng đo lường Nhiệt/ *Temperature Measurement Laboratory*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)^{1/}</i>
7	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ (x) <i>Temperature Indicator</i>	-200 °C đến/ to 600 °C	ĐLVN 160:2005	0,02 °C
		600 °C đến/ to 1 800 °C		0,2 °C
8	Bể điều nhiệt (x) <i>Temperature Controlled Bath</i>	-80 °C đến/ to 500 °C	QUATEST3 2053:2025	0,01 °C
		500 °C đến/ to 550 °C		0,06 °C
9	Tủ nhiệt (x) <i>Thermal Chamber</i>	-196 °C		2 °C
		-80 °C đến/ to - 40 °C		1 °C
		-40 °C đến/ to 5 °C		0,79 °C
		5 °C đến/ to 50 °C		0,1 °C
		50 °C đến/ to 140 °C		0,2 °C
		140 °C đến/ to 300 °C		1,4 °C
10	Lò nung (x) <i>Furnace</i>	200 °C đến/ to 1 000 °C	QUATEST3 2087:2025	2 °C
11	Bộ ổn định nhiệt (x) <i>Temperature Stability Block</i>	0 °C đến/ to 100 °C	QUATEST3 2088:2025	0,3 °C
		100 °C đến/ to 200 °C		1 °C
		200 °C đến/ to 500 °C		2 °C
12	Buồng nhiệt ẩm (x) <i>Climatic Chamber</i>	-80 °C đến/ to -40 °C	QUATEST3 2089:2025	1 °C
		-40 °C đến/ to 5 °C		0,79 °C
		5 °C đến/ to 50 °C		0,1 °C
		50 °C đến/ to 140 °C		0,2 °C
		140 °C đến/ to 300 °C		1,4 °C
		10 %RH đến/to 100 %RH		2,4 %RH
13	Bộ chuyển đổi đo nhiệt độ (x) <i>Temperature Transmitters</i>	-80 °C đến/to 500 °C	QUATEST3 2090:2025	0,07 °C
		500 °C đến/to 1 000 °C		1 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 7)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 7)

VILAS 036

Phòng đo lường Nhiệt/ *Temperature Measurement Laboratory*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)^{1/}</i>
14	Máy ép nhiệt (x) <i>Temperature Compression Machines</i>	40 °C đến/ to 150 °C	QUATEST3 2091:2025	0,1 °C
		150 °C đến/ to 300 °C		0,4 °C
15	Nguồn bức xạ vật thể đen chuẩn <i>Standard Blackbody Radiators</i>	-40 °C đến/ to 0 °C	QUATEST3 2092:2025	0,5 °C
		0 °C đến/ to 150 °C		0,4 °C
		150 °C đến/ to 500 °C		0,8 °C
		500 °C đến/ to 1 000 °C		2,1 °C
16	Máy luân nhiệt (x) <i>Polymerase Chain Reaction</i>	0 °C đến/ to 100 °C	QUATEST3 2093:2025	0,2 °C
17	Nồi hấp tiệt trùng (x) <i>Autoclave</i>	60 °C đến/ to 100 °C	QUATEST3 2095:2025	0,5 °C
		100 °C đến/ to 135 °C		0,1 °C
		200 mbar đến/ to 2 250 mbar		5 mbar
18	Tủ sấy chân không (x) <i>Vaccum Oven</i>	40 °C đến/ to 105 °C	QUATEST3 2094:2025	0,5 °C
		105 °C đến/ to 200 °C		1,0 °C
		200 °C đến/ to 220 °C		1,4 °C
		5 mbar đến/ to 1 100 mbar		5 mbar
19	Bể chứa Nitơ (x) <i>Nitrogen container</i>	-196 °C	QUATEST3 2081:2025	0,05 °C
20	Sấy băng chuyển (x) <i>Continuos Dryer</i>	-80 °C đến/ to 1 000 °C	QUATEST3 2097:2025	9 °C
21	Buồng tăng tốc thời tiết QUV (x) <i>QUV Accelerated Weathering Testers</i>	30 °C đến/ to 93 °C	QUATEST3 2096:2025	2,3 °C
22	Máy kiểm tra lão hóa thời tiết Q SUN <i>Q SUN Weathering Test Chambers</i>	30 °C đến/ to 93 °C	QUATEST3 2171:2025	1,7 °C
23	Nhiệt kế Beckmann <i>Beckmann Thermometers</i>	-20 °C đến/ to 125 °C	ĐLVN 136:2004	0,01 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 7)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 7)

VILAS 036

Phòng đo lường Nhiệt/ *Temperature Measurement Laboratory*

Chú thích/ *Note*:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Vietnam technical measurement document*
- QUATEST3.... : Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed procedures*;
- (x): Phép HC có thực hiện ở hiện trường/ *On-site calibrations*;
- ⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*
- Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (QUATEST 3) cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng 3 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3) that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

